

Phụ lục 14. Mẫu báo cáo tài sản của Quỹ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO TÀI SẢN

CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 12 năm 2011

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VFMVF1
- 4 Ngày lập báo cáo : 05/01/2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 12/2011	KỶ BÁO CÁO Tháng 11/2011	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
1	Tiền	183,786,302,756	132,337,512,893	51,448,789,863
2	Các khoản đầu tư	1,077,061,023,628	1,206,219,426,240	(129,158,402,612)
2.1	Trái phiếu	25,041,095,890	25,041,095,890	
2.2	Cổ phiếu	1,052,019,927,738	1,180,318,514,350	(128,298,586,612)
2.2.1	CP niêm yết	914,455,849,400	1,036,766,699,600	(122,310,850,200)
2.2.2	CP chưa niêm yết	137,564,078,338	143,551,814,750	(5,987,736,412)
2.2	Quyền mua		859,816,000	(859,816,000)
3	Cổ tức được nhận	3,928,704,000	16,448,865,000	(12,520,161,000)
4	Lãi được nhận	3,102,401,821	2,350,260,029	752,141,792
4.1	Lãi trái phiếu			
4.2	Lãi TGNH	3,102,401,821	2,350,260,029	752,141,792
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	59,395,227,800	7,055,185,400	52,340,042,400
6	Các khoản phải thu khác			
7	Đầu tư khác			
	TỔNG TÀI SẢN	1,327,273,660,005	1,364,411,249,562	(37,137,589,557)
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	25,295,874,551	14,034,669,903	11,261,204,648
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	25,000,000,000	13,819,384,000	11,180,616,000
8.2	Phí môi giới GDCK	295,874,551.00	215,285,903.00	80,588,648
9	Các khoản phải trả khác	3,602,069,875	3,925,337,276	(323,267,401)
9.1	Phí quản lý quỹ	2,167,653,864	2,247,919,002	(80,265,138)
9.2	Phí lưu ký, giám sát	88,873,809	92,164,679	(3,290,870)
9.3	Thù lao BDD	92,000,000	88,166,663	3,833,337
9.4	Phí kiểm toán	323,400,000	265,443,750	57,956,250
9.5	Phải trả khác	930,142,202	1,231,643,182	(301,500,980)
10	Thuế & Cổ tức phải trả nhà đầu tư VF1	39,925,000	39,925,000	
	TỔNG NỢ	28,937,869,426	17,999,932,179	10,937,937,247
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
11	Tài sản ròng của Quỹ	1,298,335,790,579	1,346,411,317,383	(48,075,526,804)
12	Tỷ lệ tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	2.23%	1.34%	0.89%
13	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000	100,000,000
14	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ	12,983	13,464	(481)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Hồng Hạnh

Người lập biểu

(Signature)

N.T.TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

(Signature)

NGUYỄN M. ĐĂNG KHÁNH



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 15. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 12 năm 2011

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VFMVF1
- 4 Ngày lập báo cáo : 05/01/2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 12/2011	KỲ TRƯỚC Tháng 11/2011
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	1,346,411,317,383	1,541,653,022,360
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(48,075,526,804)	(195,241,704,977)
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(48,075,526,804)	(195,241,704,977)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	1,298,335,790,579	1,346,411,317,383
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	12,983	13,464

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

N.T.TUỆ MINH

NGUYỄN M. ĐĂNG KHÁNH

TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trịnh Hồng Hạnh

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VFI

Tháng 12 năm 2011

1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VFMVFI
4 Ngày lập báo cáo : 05/01/2012

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm báo cáo (năm 2011)		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo Tháng 12/2011	Lũy kế từ đầu năm 2011 đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN					
I Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		(77,515,543,905)	(10,868,154,837)	31,296,593,952	142,176,696,232
1 Cổ tức được nhận		14,410,401,200	89,415,596,000	19,460,277,726	67,443,282,226
2 Lãi trái phiếu được nhận					6,340,065,000
3 Lãi tiền gửi		1,720,215,885	21,345,927,696	1,896,883,417	17,212,174,596
4 Thu nhập bán chứng khoán		(93,646,160,990)	(121,658,863,351)	6,535,712,809	47,774,114,974
5 Thu nhập khác			29,184,818	3,403,720,000	3,407,059,436
II Chi phí		2,439,112,652	39,163,416,754	4,017,441,316	53,383,728,016
1 Phí quản lý quỹ	3.11(i)	2,167,653,864	33,529,972,546	3,549,956,574	47,222,643,954
2 Thường hoạt động					-
3 Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	3.11(ii)	88,873,809	1,374,728,878	156,198,089	1,946,394,612
4 Chi phí hội họp, đại hội		(294,350,424)	751,513,593	14,749,755	928,521,832
5 Chi phí kiểm toán		57,956,250	349,206,413	66,148,500	303,028,051
6 Phí và chi phí khác		418,979,153	3,157,995,324	230,388,398	2,983,139,567
Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ		(79,954,656,557)	(50,031,571,591)	27,279,152,636	88,792,968,216
B XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN					-
I Thu nhập		116,636,867,512	64,614,890,996	122,422,069,107	144,324,651,799
1 Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		117,496,683,512	65,818,390,996	136,519,571,547	143,121,151,799
2 Ghi nhận quyền phát hành thêm cp		(859,816,000)	(1,203,500,000)	(14,097,502,440)	1,203,500,000
II Chi phí		84,757,737,759	842,515,318,549	118,874,043,945	436,720,384,413
1 Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		84,757,737,759	842,515,318,549	118,874,043,945	436,720,384,413
2 Phí thường hoạt động chưa thực hiện					
III Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ		31,879,129,753	(777,900,427,553)	3,548,025,162	(292,395,732,614)
TỔNG LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM		(48,075,526,804)	(827,931,999,144)	30,827,177,798	(203,602,764,398)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Hồng Hạnh

Người lập biểu

N.T. TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

NGUYỄN M. ĐĂNG KHÁNH

Tổng Giám đốc



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC